

Bản án số: **53/2019/HNGĐ-ST**  
Ngày: 28/5/2019

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lê Thị Hồng Tâm**
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Nguyễn Thị Kim Hạnh**.
2. Ông **Huỳnh Văn Thanh**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Trần Hồng Nhung**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Ông **Trần Văn Truyền**, Kiểm sát viên.

Trong ngày **28** tháng **5** năm **2019** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 119/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019 về việc tranh chấp “Xin ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Chiến T**, sinh năm 1983 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp MT A, xã LT, huyện CL, tỉnh Tiền Giang;

\* *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1985. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp MT A, xã LT, huyện CL, Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 07/3/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Chiến T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị D tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã LT, huyện CL và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 15, quyền số 01, ngày 22/01/2007. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc. Nhận thấy vợ chồng không có khả năng đoàn tụ, nay anh xin ly hôn với chị Nguyễn Thị D.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Lam Ngọc T, sinh ngày 12/12/2006. Anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung khi ly hôn, không yêu cầu chị Nguyễn Thị D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết;

\* Tại bản tự khai ngày 05/4/2019, bị đơn Nguyễn Thị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Chiến T.

- Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Lam Ngọc T, sinh ngày 12/12/2006, chị đồng ý giao con chung cho anh Nguyễn Chiến T nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết;

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự, xác minh thu thập chứng cứ, thụ lý vụ án và tuân thủ đúng thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại các Điều 26 đến Điều 40; Điều 68; Điều 93 đến Điều 97; Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, thành phần Hội đồng xét xử. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thực hiện theo đúng quy định tại các điều 70, 71, 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự và không có kiến nghị gì.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 53, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Chiến T.

+ Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Lam Ngọc T, sinh ngày 12/12/2006 cho anh Nguyễn Chiến T nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Nguyễn Thị D có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét.

+ Về án phí giải quyết theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn Nguyễn Chiến T và bị đơn Nguyễn Thị D có đơn xin vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị Dinh theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Chiến T và chị Nguyễn Thị D kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Long Tiên, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 15, quyển số 01 ngày 22/01/2007, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Anh Nguyễn Chiến T cho rằng thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không còn hòa hợp, thường xuyên cãi vả dẫn đến cuộc sống chung không còn hạnh phúc, anh T và chị Nguyễn Thị D không còn chung sống từ năm 2014, nay anh Nguyễn Chiến T yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị D. Tại bản tự khai ngày 05/4/2019, bị đơn Nguyễn

Thị D đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Chiến T, nên yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Nguyễn Chiến T là có căn cứ.

[4] Về con chung: trong quá trình sống chung, anh Nguyễn Chiến T và chị Nguyễn Thị D có 01 con chung tên Nguyễn Lam Ngọc T, sinh ngày 12/12/2006, hiện cháu Trâm đang sống chung với anh Nguyễn Chiến T. Khi ly hôn, anh Nguyễn Chiến T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị Nguyễn Thị D cấp dưỡng nuôi con.

[5] Xét, yêu cầu nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Lam Ngọc T, sinh ngày 12/12/2006 của anh Nguyễn Chiến T, là có căn cứ. Bởi lẽ, cháu Nguyễn Lam Ngọc T hiện do anh T đang nuôi dưỡng và có nguyện vọng được sống chung với anh T khi cha mẹ ly hôn. Mặt khác, chị Nguyễn Thị D cũng đồng ý giao con chung cho anh T nuôi dưỡng.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Chiến T không yêu cầu chị Nguyễn Thị D cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: anh Nguyễn Chiến T và chị Nguyễn Thị D không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Nguyên đơn Nguyễn Chiến T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các điều 51, 53 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

#### **Xử:**

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Chiến T được ly hôn với chị Nguyễn Thị D.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Lam Ngọc T, sinh ngày 12/12/2006 cho anh Nguyễn Chiến T nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị D có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết;

- Về án phí: Anh Nguyễn Chiến T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Anh đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 16495 ngày 18/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, nên xem như đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã LT, H. Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**Lê Thị Hồng Tâm**